



MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NGUYỄN VĂN DIÊU

Đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ là một trong những vùng lãnh thổ trọng yếu, có vị trí chiến lược về kinh tế, chính trị và quốc phòng an ninh của đất nước. Tại đây, ngoài người Việt chiếm đa số, còn có trên 1 triệu người Khơ me và các dân tộc thiểu số khác như Xtiêng, Mạ, Mnông, Chơ-ro, Chăm và Hoa, cùng chung sống trong nhiều thế kỷ. Trên khu vực này, có 1.100km đường biên giới với Campuchia. Đây cũng là vùng có mối quan hệ dân tộc khá nhạy cảm, liên quan đến sự ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh biên giới, nhất là trong bối cảnh hiện nay, khi các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước đang tìm cách lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo để thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình". Sau đây, chúng tôi xin trình bày một số vấn đề mới nảy sinh liên quan đến sự phát triển kinh tế-xã hội và mối quan hệ dân tộc ở vùng dân tộc thiểu số của khu vực này.

1. Tình trạng không có hoặc thiếu ruộng đất canh tác và đời sống nghèo đói của một bộ phận nông dân Khơ me

Người Khơ me tập trung đông nhất tại các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long như: Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, Cần Thơ, Vĩnh Long, Cà Mau, trong đó, trên 95%

dân số cư trú ở nông thôn, sinh sống bằng sản xuất nông nghiệp. Chăn nuôi và tiểu thủ công nghiệp của họ kém phát triển. Phần lớn địa bàn cư trú của người Khơ me thường nằm ở vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển, vùng biên giới và một số hải đảo. Những vùng đất này thường bị nhiễm phèn và nhiễm mặn, nên đời sống của đồng bào gặp nhiều khó khăn.

Mật độ dân số tại khu vực có người Khơ me cư trú gia tăng nhanh, một phần do tỷ lệ sinh của họ còn khá cao (2,5% - 3%). Trình độ dân trí của người Khơ me còn thấp: trong thực tế, có khoảng 50% dân số mù chữ và tái mù chữ; số còn lại, trình độ học vấn còn nhiều hạn chế.

Theo phong tục, tập quán cổ truyền, trong mỗi gia đình nông dân Khơ me, phụ nữ là người lao động chủ yếu và lo liệu đời sống kinh tế của gia đình. Còn nam giới lại chú trọng nhiều hơn đến công việc nhà chùa và công việc chung của cộng đồng phum, sóc. Phần lớn nông dân Khơ me thường độc canh cây lúa, sản xuất thuần nông; nghề thủ công và chăn nuôi trong gia đình kém phát triển. Vì thế, mỗi khi gặp thiên tai hoặc bị rớt giá nông sản, nghề nông thường thua lỗ, dẫn đến đời sống gặp nhiều khó khăn. Bởi vậy, việc cầm cố, sang nhượng bớt ruộng đất cho những hộ gia đình khá giả, trong đó có cả người khác tộc diễn ra thường đối phổ biến.

Từ sau năm 1975 đến nay, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, các cấp chính quyền tại địa phương đã tạo mọi điều kiện trợ giúp nông dân Khơ me về giống cây con, chuyển giao kỹ thuật, đầu tư xây dựng nhiều công trình giao thông nông thôn, thủy lợi phục vụ sản xuất. Nhờ vậy, đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân Khơ me có phần được cải thiện....

Có một nghịch lý đã và đang diễn ra trong tiến trình phát triển nông nghiệp nông thôn tại đồng bằng sông Cửu Long trong những năm gần đây: tuy sản xuất nông nghiệp vẫn tiếp tục phát triển, lúa gạo xuất khẩu ngày càng gia tăng, thu nhập bình quân tính theo đầu người của toàn vùng tăng lên rõ rệt, hộ đói được xóa bỏ, nhưng số hộ nghèo của người Khơ me lại giảm rất chậm. Đáng chú ý, có một bộ phận nông hộ Khơ me, do đời sống kinh tế khó khăn nên phải chuyển nhượng, cầm cố phần lớn diện tích đất canh tác của mình cho những hộ khá giả. Thậm chí, họ phải làm thuê, làm mướn cho các hộ này để kiếm sống qua ngày, ngay trên mảnh ruộng trổ cấy vốn của gia đình họ. ...

Nguyên nhân của tình trạng này, phải nhìn lại cả quá trình lịch sử. Trong những năm 1977-1984, vùng nông thôn miền Nam đã tiến hành xây dựng các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp. Theo chính sách này, ruộng đất của mọi nông hộ trong vùng được tập thể hoá rồi đem chia bình quân theo nhân khẩu. Đến những năm 1986-1990, các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp theo mô hình cũ dần tan rã. Trong bối cảnh ấy, các chủ ruộng cũ đòi lại ruộng đất của mình đã góp vào tập đoàn sản xuất hay hợp tác xã nông nghiệp. Ngoài ra, còn phải kể tới các nguyên nhân khác, như sự tách hộ, sự

chuyển cư đi nơi khác do chiến tranh biên giới Tây Nam... Các sự kiện này đã làm cho một bộ phận nông dân nghèo, trong đó phần lớn là người Khơ me trở nên thiếu ruộng đất hoặc không có ruộng đất canh tác. Số hộ thuộc diện này ở người Khơ me tỉnh Sóc Trăng là 28 % trong tổng số nông hộ Khơ me tại địa phương; còn các tỉnh khác như Cần Thơ, Kiên Giang, An Giang, Trà Vinh cũng có tình hình tương tự....

Do tình trạng nêu trên, vào năm 1998, tỷ lệ số nông hộ nghèo người Khơ me tại vùng đồng bằng sông Cửu Long ước khoảng trên 40 %. Theo số liệu thống kê 1999, trong tổng số 210.000 hộ Khơ me ở Nam Bộ, có khoảng 20.300 hộ khá (chiếm tỷ lệ 10,55%); 84.357 hộ trung bình (43,83 %); 85.544 hộ nghèo (33,96%)¹.

2. Vấn đề nâng cao dân trí

Hiện nay vẫn còn khoảng trên 50% dân số người Khơ me tại đồng bằng sông Cửu Long mù chữ. Bộ phận dân số được gọi là đã xóa mù chữ, nhưng khả năng đọc, viết và hiểu được văn bản tiếng phổ thông còn rất khó khăn.

Tỷ lệ học sinh người Khơ me so với tổng dân số Khơ me tại địa phương vẫn rất thấp. Phần lớn học sinh Khơ me hầu như chỉ tập trung ở bậc tiểu học (chiếm 70% tổng số học sinh). Đa số các em phải nghỉ học ở bậc tiểu học vì kinh tế gia đình khó khăn. Vì thế, tỷ lệ học sinh Khơ me có trình độ ở bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông, so với tổng số học sinh Khơ me chỉ chiếm 2,27%. Đến bậc cao đẳng và đại học, tỷ lệ sinh viên người Khơ me so với dân số của Khơ me còn thấp hơn nữa ².

¹ Báo cáo thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Khơ me Nam Bộ (1996-2000). Ủy ban Dân tộc và Miền núi, 2001.

² Báo cáo..., TL đã dẫn

3. Vấn đề chăm sóc sức khoẻ

Trên toàn vùng Nam Bộ hiện nay, vẫn còn 44,88% phụ nữ ng-ời Khơ me mắc bệnh phụ khoa, và trên 34,76% trẻ em ng-ời Khơ me bị suy sinh d-ỡng. Tại một số tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, tỷ lệ nữ giới Khơ me mắc các loại bệnh của phụ nữ rất cao. Chẳng hạn, tỉnh Sóc Trăng có 80% phụ nữ Khơ me mắc bệnh phụ khoa; và số liệu t-ơng ứng ở tỉnh Vĩnh Long là 70%, Kiên Giang - 65%. Tại tỉnh Cà Mau, có 43% trẻ em Khơ me bị suy dinh d-ỡng; còn ở Vĩnh Long tỷ lệ ấy là 50%, tỉnh Cần Thơ - 40,36%....

Một số bệnh nhiệt đới vẫn tồn tại ở vùng nông thôn Khơ me. Chẳng hạn, nh- tại tỉnh Kiên Giang, hiện nay số ng-ời Khơ me mắc bệnh sốt rét kinh niên là 9.983 ng-ời; bệnh lao - 420 ng-ời; bệnh b-ầu cổ - 327 ng-ời; bệnh phong - 132 ng-ời. Đáng chú ý, còn từ 60 - 70% bà mẹ ng-ời Khơ me đang mang thai bị bệnh thiếu máu. Các cơ sở y tế nh- trạm xá, bệnh viện ở vùng nông thôn Khơ me thiếu thốn về trang thiết bị nên ch- a đáp ứng đ-ợc yêu cầu điều trị bệnh và chăm sóc sức khoẻ của đồng bào ³.

Trên toàn vùng Khơ me Nam Bộ, tỷ lệ gi-ờng bệnh trên tổng số dân c- hiện nay còn rất thấp so với các vùng khác trong cả n-ớc. Chẳng hạn, ở đây chỉ có 8,7 gi-ờng bệnh/1.000 ng-ời. Ngân sách địa ph-ơng cấp cho ngành y tế còn quá thấp, và trên thực tế, số tiền này chỉ đủ để trả l-ơng cho đội ngũ cán bộ y tế và mua một l-ợng thuốc men tối thiểu đủ dùng cho các ca cấp cứu và một số ca bệnh hiểm nghèo của đồng bào.

4. Tình trạng tranh chấp đất đai

Do không có hoặc thiếu ruộng đất canh tác và đời sống nghèo khó của một bộ

phận ng-ời Khơ me nh- đã nêu, dẫn đến tình trạng khiếu kiện, tranh chấp ruộng đất, trong đó có cả với ng-ời khác tộc.

Tình trạng này bắt đầu nổ ra từ 1989 và cho đến nay, vẫn tiếp tục gia tăng. Chỉ tính riêng trên địa bàn hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn của tỉnh An Giang, đã có tới 2.000 lá đơn, trong đó có nhiều lá đơn khiếu kiện, tranh chấp ruộng đất của ng-ời Khơ me. Có lúc, có tới hàng trăm nông dân Khơ me thiếu đất canh tác kéo xuống đồng, xô xát với những ng-ời đã đ-ợc chính quyền địa ph-ơng cho phép khai hoang, phục hoá trên đất bỏ hoang của họ (do cuộc chiến tranh biên giới tr-ớc đây)⁴.

Tr-ớc tình hình đó, Nhà n-ớc đã phải chi hàng trăm tỷ đồng, và tổ chức nhiều đoàn công tác liên ngành của cấp tỉnh, cấp huyện đi xuống tận xã, ph-òng, phum, sóc để chuộc lại đất đai canh tác cho những nông hộ Khơ me.

5. Âm m-ưu lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo của các thế lực phản động trong và ngoài n-ớc

Địa bàn c- trú của ng-ời Khơ me Nam Bộ từ lâu đã trở thành một vùng trọng điểm, mà các thế lực phản động ở trong và ngoài n-ớc th-ờng xuyên rình rập lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo trong chiến l-ợc "diễn biến hoà bình", kết hợp với gây bạo loạn, lật đổ chính quyền cách mạng tại các địa ph-ơng.

Sau nhiều vụ âm m-ưu gây rối tại địa ph-ơng, một số ng-ời Khơ me v-ợt biên giới trái phép ra n-ớc ngoài, và sau đó, thậm chí đ-ợc cất nhắc lên giữ những c-ơng vị quan trọng trong hệ thống chính trị ở n-ớc họ tới, hoặc đứng đầu các tổ

³ Báo cáo..., TL đã dẫn

⁴ Báo cáo..., TL đã dẫn

chức gọi là "Hội ng- ời Khmer Krôm". Tổ chức này có ch- ơng trình hoạt động nhằm tuyên truyền kích động gây bạo loạn tại vùng ng- ời Khơ me các tỉnh Nam Bộ. Họ đ- ọc các thế lực quốc tế thù địch với Việt Nam đổ dầu và tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoạt động phá hoại gây rối. Cùng với các tổ chức nói trên, còn có nhiều đài phát thanh từ hải ngoại th- ờng xuyên phát các ch- ơng trình bằng tiếng Khơ me để kích động ng- ời dân, nh- đài Voi, đài Châu Á tự do, đài Manila... phát ch- ơng trình truyền đạo Ki-tô, với tuyên ngôn "Đức Phật ch- a trả lời, thì Đức Mẹ sẽ có lời giải đáp".....

Khuyến nghị

Để thực hiện tốt công cuộc phát triển kinh tế-xã hội và mối quan hệ dân tộc tại vùng dân tộc thiểu số ở đồng bằng sông Cửu Long, chúng tôi xin có một số khuyến nghị nh- sau:

1. Giải quyết tốt vấn đề ruộng đất tại vùng ng- ời Khơ me, nhất là ở các tỉnh biên giới. Để làm đ- ọc việc này, cần giải quyết đủ ruộng đất canh tác cho nông hộ Khơ me không có đất và thiếu đất. Đồng thời, giải quyết dứt điểm vấn đề khiếu kiện, tranh chấp đất đai giữa ng- ời Khơ me với những ng- ời khác tộc. ...

2. Sử dụng tốt hơn các nguồn vốn vay - u đãi của Nhà n- ớc dành cho vùng Khơ me, nhằm hỗ trợ tối đa cho phát triển sản xuất nông-lâm-ng- nghiệp tại vùng này. Mở các trung tâm dạy nghề, phát triển tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến-lâm-thủy-hải sản và dịch vụ, nhằm giải quyết công ăn việc làm cho một số l- ợng khá lớn lao động nhàn rỗi ng- ời Khơ me.

3. Chuyển giao nhanh chóng và sâu rộng hơn nữa khoa học, kỹ thuật nông-lâm-ng- nghiệp đến với nông dân Khơ me. Giúp họ ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông-lâm-ng- nghiệp, chuyển đổi đúng h- ớng cơ cấu cây trồng, vật nuôi sao cho phù hợp với đặc điểm của từng tiểu vùng sinh thái, nhằm thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất lao động. Trên cơ sở đó, tiến tới ổn định, cải thiện và từng b- ớc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân Khơ me, nhất là tại các địa ph- ơng vùng biên giới.

4. Phát triển giáo dục-đào tạo, nhằm thanh toán nạn mù chữ, tái mù chữ và thực hiện phổ cập tiểu học. Đồng thời, tăng c- ờng giảng dạy và sử dụng rộng rãi song ngữ, nhằm nâng cao dân trí cho đồng bào Khơ me.

5. Cần đổi mới quy hoạch và kế hoạch đào tạo, sử dụng đội ngũ cán bộ ng- ời Khơ me. Đồng thời, củng cố vững chắc hệ thống chính trị, nhất là tại cấp cơ sở.

6. Tăng c- ờng công tác dân tộc và công tác tôn giáo, nhằm thực hiện tốt hơn nữa chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà n- ớc ta trong giai đoạn mới. Đẩy mạnh phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh tại vùng ng- ời Khơ me, nhất là vùng biên giới. Cần đặc biệt chú trọng công tác vận động và có chính sách cụ thể, thích hợp với tầng lớp trí thức-s- ỹ có uy tín với quần chúng trong các phum, sóc, chùa chiền ng- ời Khơ me.

7. Sử dụng tối - u lực l- ợng bộ đội biên phòng và các lực l- ợng vũ trang đóng quân ở địa ph- ơng vào công cuộc phát triển kinh tế-xã hội trên tuyến biên giới Tây-Nam, theo h- ớng kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng và an ninh.